

Số: 315 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 02/TTr-SNNMT ngày 01 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

- Thay thế: 05 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.
- Bãi bỏ: 04 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện..

(Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy trình giải quyết thủ tục hành chính này thay thế 05 quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 Mục I Phần Phụ lục; bãi bỏ 04 quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Mục II Phần Phụ lục Quyết 1687/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, cổng dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 315 /QĐ-UBND ngày 08 / 7 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
1. Cấp giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010727.000.00.00.H19 - Một phần					
Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường					
a) Trường hợp 1: 20 ngày					
a1) Lưu đồ thẩm định:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục Phí lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, chuyên gia; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	5 ngày		
Bước 3	- Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường	Trung tâm Phục vụ HCC	- Ngừng xử lý (tối đa 20 ngày) (**) - Tiếp tục xử lý		
Bước 4	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 5 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phi thẩm định + Tổ chức họp thẩm định	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	11,25 ngày		

	+ Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định. + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			
Bước 5	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 8	Lãnh đạo Sở Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày	
Bước 6	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 7	Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	1 ngày	
Bước 8	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Tổng cộng thời gian giải quyết		20 ngày		
<i>a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung: 05 ngày</i>				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ HCC		Không quy định
Bước 2	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày	
Bước 3	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 6	Lãnh đạo	0,5 ngày	

		Sở Nông nghiệp và Môi trường		
Bước 4	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 5	Ký giấy phép và công khai Giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	1,5 ngày	
Bước 6	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Tổng cộng thời gian giải quyết		05 ngày		
b) Trường hợp 2: 30 ngày				
<i>b1) Lưu đồ thẩm định</i>				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	
Bước 2	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, chuyên gia; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	5 ngày	
Bước 3	- Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường	Trung tâm Phục vụ HCC	- Ngừng xử lý (tối đa 20 ngày) (**) - Tiếp tục xử lý	
Bước 4	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 5 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Thành lập HĐTD hoặc đoàn kiểm tra + Tổ chức họp HĐTD hoặc kiểm tra thực tế + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định.	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	16,75 ngày	

	+ Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			
Bước 5	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 8	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày	
Bước 6	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 7	Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	5 ngày	
Bước 8	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
	Tổng cộng thời gian giải quyết	30 ngày		
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa, bổ sung</i>				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định
Bước 2	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	9,25 ngày	
Bước 3	- Ký tờ trình cấp phép	Lãnh đạo	1,5 ngày	

	- Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 6	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
Bước 4	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 5	Ký giấy phép và công khai Giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	03 ngày	
Bước 6	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
	Tổng cộng thời gian giải quyết	15 ngày		

Ghi chú:

(*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, chuyên gia (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), thì không thực hiện việc lấy ý kiến.

(**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 7 ngày và các chuyên gia có ý kiến là 20 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

HĐTĐ: hội đồng thẩm định; **VB:** văn bản; **TD:** thẩm định; **HS:** hồ sơ.

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
2. Cấp đổi giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010728.000.00.H19 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Rà hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ không đạt: dự thảo văn bản trả	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5 ngày		
Bước 3	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 6	Lãnh đạo Sở	02 ngày		
Bước 4	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 5	Ký giấy phép và công khai Giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	3 ngày		
Bước 6	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 7	Trung tâm Phục vụ HCC phát hành	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày		

3. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010729.000.00.00.H19 - Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục Phụ, lệ phí lĩnh vực Môi trường đính kèm	
Bước 2	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, chuyên gia; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày		
Bước 3	- Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyên Phòng Môi trường	Trung tâm Phục vụ HCC	- Ngày xử lý (tối đa 20 ngày) (**) - Tiếp tục xử lý		
Bước 4	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 5 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Tổng hợp ý kiến các cơ quan, chuyên gia + Tiến hành các hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	13,75 ngày		
Bước 5	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 8	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 6	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 7	Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	03 ngày		

Bước 8	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng Phòng Môi trường Số Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			25 ngày		
Ghi chú:					
(*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, chuyên gia (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), thì không thực hiện việc lấy ý kiến.					
(**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 7 ngày và các chuyên gia có ý kiến là 20 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).					
4. Cấp lại giấy phép môi trường. Mã thủ tục: 1.010730.000.00.00.H19 – Một phần					
a) Trường hợp 1: 20 ngày					
<i>a1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	
Bước 2	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, chuyên gia; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường Số Nông nghiệp và Môi trường	5 ngày		
Bước 3	- Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường	Trung tâm Phục vụ HCC	- Ngừng xử lý (tối đa 20 ngày) (**) - Tiếp tục xử lý		
Bước 4	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 5 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phi thẩm định + Tổ chức họp thẩm định	Phòng Môi trường Số Nông nghiệp và Môi trường	11,25 ngày		

	+ Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			
Bước 5	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 8	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày	
Bước 6	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 7	Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	01 ngày	
Bước 8	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm PVHCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày	
<i>a2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung:</i>				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích)	Trung tâm phục vụ HCC		Không quy định
Bước 2	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày	
Bước 3	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	

Bước 4	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 5	Ký giấy phép và công khai Giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	1,5 ngày		
Bước 6	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày		
b) Trường hợp 1: 30 ngày					
b1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	
Bước 2	Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu; lấy ý kiến các cơ quan, chuyên gia; công khai thông tin (nếu hồ sơ đủ điều kiện) (*)	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày		
Bước 3	- Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia - Tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường	Trung tâm Phục vụ HCC	- Ngừng xử lý (tối đa 20 ngày) (*) - Tiếp tục xử lý		
Bước 4	- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 5 - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí thẩm định + Thành lập HĐTD hoặc đoàn kiểm tra + Tổ chức họp HĐTD hoặc kiểm tra thực tế + Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, ý kiến thẩm định. + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) Dự thảo tờ trình cấp phép (nếu kết quả thẩm định đồng ý thông qua) hoặc (2) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	16,75 ngày		

	quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (3) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)			
Bước 5	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ, thực hiện tiếp bước 8	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày	
Bước 6	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 7	Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	05 ngày	
Bước 8	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày	
<i>b2) Lưu đồ xử lý sau khi chỉnh sửa bổ sung:</i>				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	
Bước 2	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình cấp phép - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	9,25 ngày	Không quy định
Bước 3	- Ký tờ trình cấp phép - Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày	
Bước 4	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	
Bước 5	Ký giấy phép và công khai Giấy phép môi trường	UBND Tỉnh	03 ngày	
Bước 6	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng	0,5 ngày	

- Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường			
Tổng cộng thời gian giải quyết		15 ngày		
Ghi chú: (*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, chuyên gia (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), thì không thực hiện việc lấy ý kiến. (**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 7 ngày và các chuyên gia có ý kiến là 20 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).				

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Mã thủ tục: 1.010733.000.00.00.H19 – Một phần					
a) Lưu đồ thẩm định hồ sơ:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện) Kiểm tra thẩm định hồ sơ ban đầu: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện → dự thảo văn bản trả hồ sơ - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: + Thông báo phí; công khai thông tin + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định + Lấy ý kiến các cơ quan có liên quan + Tiến hành hoạt động hỗ trợ thẩm định + Tổng hợp ý kiến thẩm định + Hợp hội đồng + Trên cơ sở kết quả thẩm định: (1) dự thảo văn bản đề nghị chỉnh sửa (nếu kết quả thẩm định thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung) hoặc (2) dự thảo văn bản trả hồ sơ (nếu kết quả thẩm định không thông qua)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Bước 2		Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	29,25 ngày	Đính kèm phụ lục	
Bước 3	- Chuyển hồ sơ (nếu hồ sơ được thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc không thông qua) đến Trung tâm phục vụ HCC	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày		
b) Lưu đồ phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Rà soát hồ sơ theo kết quả thẩm định - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa đạt: dự thảo tờ trình phê duyệt - Trường hợp hồ sơ chỉnh sửa không đạt: dự thảo văn bản trả yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa	Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	11,25 ngày		
Bước 3	Trình ký tờ trình phê duyệt	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 4	- Ký tờ trình phê duyệt - Hoặc ký văn bản trả, thực hiện tiếp bước 7	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Trình Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Bước 6	Ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo DTMT; công khai Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo DTMT và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.	UBND Tỉnh	05 ngày		
Bước 7	- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC	- Văn phòng - Phòng Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		

PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

*(kèm theo Phụ lục quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường
thuộc thẩm quyền giải quyết ngành Nông nghiệp và Môi trường)*

I. Nghị Quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đối với thủ tục thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường - mã TTHC: 1.010733 và Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP - mã TTHC: 1.010735)

1.1 Mức thu phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, mã TTHC - 1.010733:

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.

Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng

Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng

Nhóm 5. Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 6. Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng

Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.

Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng

Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng

Nhóm 5. Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 6. Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng

Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng

II. Nghị Quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Cấp giấy phép môi trường, Mã TTHC - 1.010727, Cấp lại giấy phép môi trường Mã TTHC - 1.010730, Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường, Mã TTHC - 1.010729)

2.1. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy phép môi trường:

- Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá 1 tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh: 12.100.000 đồng

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường quy định tại các điểm a và b khoản 4; khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Cấp tỉnh: 14.650.000 đồng

+ Cấp huyện: 9.100.000 đồng

- Các dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực,

+ Cấp tỉnh: 11.960.000 đồng

+ Cấp huyện: 6.400.000 đồng

- Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.800.000 đồng

2.2. Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cấp tỉnh và cấp huyện: 5.600.000 đồng